

HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC XÃ HỘI HỖ TRỢ PHỤ NỮ ĐƠN THÂN TÌM KIẾM VIỆC LÀM

TS. Nguyễn Thanh Huyền

Trường Đại học Lao động - Xã hội
nguyenthanhhuyenctxh@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết là một phần kết quả nghiên cứu “Hoạt động công tác xã hội trong hỗ trợ phụ nữ đơn thân tìm kiếm việc làm tại huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội” với phương pháp nghiên cứu cơ bản là định lượng và định tính. Bài viết tập trung phân tích hoạt động công tác xã hội trong vận động nguồn lực hỗ trợ cho phụ nữ đơn thân tìm kiếm việc làm. Kết quả cho thấy các hoạt động động tìm kiếm, kết nối, vận động nguồn lực hỗ trợ cho phụ nữ đơn thân tìm kiếm việc làm đã được huyện Phúc Thọ quan tâm và đẩy mạnh thực hiện. Tuy nhiên, hoạt động tư vấn/tham vấn việc làm cũng như tổ chức sinh hoạt nhóm đồng đẳng thì vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến kết quả các hoạt động công tác xã hội hỗ trợ cho nhóm phụ nữ đơn thân tìm kiếm việc làm còn tồn tại một vài hạn chế là vì nội dung sinh hoạt trong nhóm tại các địa phương chưa thực sự đa dạng, chưa đáp ứng được các nhu cầu cần thiết của phụ nữ đơn thân, cộng thêm sự thiếu sát sao về công tác quản lý của cán bộ tại địa phương khi triển khai về cấp xã... đã dẫn tới việc tổ chức sinh hoạt nhóm đồng đẳng dành cho phụ nữ đơn thân còn nhiều hạn chế.

Từ khóa: Hoạt động công tác xã hội trong vận động nguồn lực, tìm kiếm việc làm, phụ nữ đơn thân

SOCIAL WORK ACTIVITIES IN SUPPORTING SINGLE WOMEN TO FIND JOBS

Abstract: The article is part of the research results “Social work activities in supporting single women to find jobs in Phuc Tho district, Hanoi” with the quantitative and qualitative research methods. The article focuses on analyzing social work activities in mobilizing resources to support single women to find jobs. The results show that the activities of researching, connecting and mobilizing resources to support women to look for jobs received great attention and were strongly implemented by Phuc Tho authority. However, counseling/consultation activities on employment as well as organising meetings for peer group still have some limitations and shortcomings. It was mainly due to less diversity of meeting contents which didn't meet the needs of single women. In addition, the lack of attention of local officials in aspects of management when deploying activities at the commune level... resulted to the limitations of organising peer group activities for single women.

Keywords: Social work activities in mobilising resource, job search, single women

Mã bài báo: JHS - 87

Ngày nhận sửa bài: 12/12/2022

Ngày nhận bài: 25/10/2022

Ngày duyệt đăng: 20/12/2022

Ngày nhận phản biện: 30/11/2022

1. Đặt vấn đề

Phụ nữ đơn thân (PNĐT) thuộc nhóm đối tượng yếu thế, họ đang phải đối mặt với những rủi ro của sự nghèo đói cao hơn do cùng lúc phải gánh vác nhiều vai trò, trách nhiệm liên quan đến gia đình và những định kiến giới. PNĐT do chồng mất sớm, ly hôn và sống cuộc sống độc thân. Dù họ trở thành một người PNĐT với lý do như thế nào thì họ đều phải đối mặt với những khó khăn nhất định trong cuộc sống. Nhất là đối với một người phụ nữ phải gồng mình để bươn chải lo cho cuộc sống để nuôi bản thân mình và nuôi con. Không những vậy, họ vừa phải là một người mẹ, đồng thời cũng là một người cha người trong gia đình, do đó gánh nặng của họ càng trở nên nặng hơn bao giờ hết. Hơn ai hết họ rất cần đến sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, sự quan tâm từ các đoàn thể đặc biệt là hội phụ nữ, các cán bộ lao động thương binh và xã hội để có thể hỗ trợ họ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Huyện Phúc Thọ vẫn là một huyện nông nghiệp nên đời sống kinh tế của bà con nơi đây còn gặp nhiều khó khăn. Vì thế, công tác hỗ trợ PNĐT chưa được chú trọng quan tâm một cách đúng mức. Công tác hỗ trợ PNĐT phát triển kinh tế hộ gia đình bằng cách tìm kiếm việc làm để từ đó cải thiện chất lượng cuộc sống nhưng chưa đạt được hiệu quả nên hầu hết những PNĐT vẫn phải sống trong cảnh nghèo khó. Từ những vấn đề trên cho thấy những khó khăn của người PNĐT cần phải được quan tâm, nghiên cứu, đánh giá một cách khoa học và hệ thống, làm cơ sở đưa ra các giải pháp hỗ trợ hiệu quả, mang tính bền vững. Cuộc sống của những người PNĐT tại huyện Phúc Thọ còn gặp rất nhiều khó khăn về nhiều mặt, ở thời điểm hiện tại thì vấn đề kinh tế hiện đang là vấn đề cấp bách và họ có nhu cầu giải quyết trước tiên nên chúng tôi đã lựa chọn nghiên cứu đề tài: “*Hoạt động công tác xã hội (CTXH) trong hỗ trợ PNĐT tìm kiếm việc làm tại huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội*”. Đề tài nghiên cứu sẽ góp phần nêu lên được thực trạng về những khó khăn, nhu cầu của PNĐT, đồng thời cũng đánh giá được các hoạt động CTXH đã hỗ trợ cho nhóm đối tượng là PNĐT đang có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Để từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm nâng cao hơn

nữa tính hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ cho nhóm đối tượng yếu thế nói chung và PNĐT tìm kiếm việc làm nói riêng.

2. Cơ sở lý thuyết và tổng quan nghiên cứu

2.1. Khái niệm hoạt động công tác xã hội

Hoạt động CTXH: Hoạt động CTXH là hoạt động chuyên nghiệp, được thực hiện bởi nhân viên CTXH. Bằng những kiến thức tâm lý, xã hội và kỹ năng nghề nghiệp của mình, nhân viên CTXH khơi dậy tiềm năng của mỗi cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng để giúp cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng phục hồi các chức năng xã hội, đáp ứng nhu cầu; đồng thời vận động chính sách, nguồn lực trong xã hội để hỗ trợ cá nhân, gia đình, nhóm, cộng đồng giải quyết các vấn đề mà họ chưa tự giải quyết được.

Đề án Phát triển nghề CTXH giai đoạn 2010-2020 ban hành kèm theo quyết định số 32/2020/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cũng đã đưa ra định nghĩa: “CTXH là hoạt động mang tính chuyên môn được thực hiện theo các nguyên tắc và phương pháp riêng nhằm hỗ trợ các cá nhân, gia đình, nhóm xã hội và cộng đồng dân cư trong việc giải quyết các vấn đề của họ, qua đó CTXH theo đuổi mục tiêu vì hạnh phúc của con người, vì sự tiến bộ của xã hội”

2.2. Khái niệm phụ nữ đơn thân

Phụ nữ đơn thân là những người chưa lấy chồng hoặc không lấy chồng nhưng vẫn có con; và những người có chồng nhưng đã góa bụa, hoặc ly thân, ly hôn sau đó nuôi con một mình. Đó là những cá nhân độc lập về kinh tế, tình cảm, có cuộc sống tự do không phụ thuộc vào người khác.

Phụ nữ đơn thân tìm kiếm việc làm là những người chưa lấy chồng hoặc không lấy chồng nhưng vẫn có con; và những người có chồng nhưng đã góa bụa hoặc ly thân, ly hôn sau đó nuôi con một mình có nhu cầu tìm kiếm việc làm nhằm tạo ra thu nhập để đảm bảo được cuộc sống cho con họ và chính bản thân PNĐT

2.3. Hỗ trợ phụ nữ đơn thân tìm kiếm cơ hội phát triển trong cuộc sống

Trong ấn phẩm “*The successful single mom*” của Honoree Corder, tác giả là một nhà đào tạo viên kinh doanh và người mẹ đơn thân, những người cung cấp cho các bà mẹ đơn thân các công cụ mà họ sẽ cần phải di chuyển theo hướng mà họ muốn đi chuyên nghiệp trước đây. Bà mẹ độc thân cũng

sẽ tìm hiểu làm thế nào để tạo ra một hệ thống hỗ trợ, phát triển tâm nhin và cải thiện thái độ của họ. Bà có nói đến việc hỗ trợ những phụ nữ đang gặp rối loạn trong việc làm một bà mẹ đơn thân. Thông qua đó để họ có thể tự tin hơn và thành công hơn trong cuộc sống làm một bà mẹ đơn thân. Nghiên cứu chỉ ra được những khó khăn về cuộc sống của những bà mẹ đơn thân về các mặt trong cuộc sống và trong cuốn sách cũng đề cập đến việc hỗ trợ họ để có thể phát triển hơn.

Rebecca Lefton (2013) trong tác phẩm: “Gender equality and women is empowerment are key to addressing global poverty” (Bình đẳng giới và tăng quyền cho phụ nữ là chìa khóa để giảm nghèo toàn cầu), bài viết đã phân tích các rào cản về giới, văn hóa, xã hội và kinh tế - xã hội, điều này gây cản trở các nỗ lực lớn hơn để chống nghèo đói và các đường hướng tiến tới phát triển bền vững.

Cũng đề cập đến vấn đề phụ nữ nghèo, trong bài viết “Towards rural women’s empowerment and poverty reduction in Iran” tác giả Allahdadi F (2011) lại cung cấp một cách tiếp cận về trao quyền cho phụ nữ, đóng góp to lớn của phụ nữ trong công cuộc xóa đói giảm nghèo ở nhiều vùng nông thôn tại các nước đang phát triển. Tác giả chỉ ra rằng việc trao quyền cho phụ nữ ở nông thôn bị giới hạn bởi những rào cản văn hóa, hạn chế họ tiếp cận các dịch vụ giáo dục và y tế. Những đặc điểm văn hóa đã gây ra những hạn chế rất nghiêm trọng đối với sự tự chủ, đi lại và các loại hình sinh kế sẵn có dành cho phụ nữ.

2.4. Những khó khăn phụ nữ đơn thân phải đương đầu

Tác phẩm “*Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng*” của trung tâm nghiên cứu Gia đình và Phụ nữ (Xuất bản năm 2006). Cuốn sách trình bày những kết quả nghiên cứu của dự án Nghiên cứu những gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng, bắt đầu tiến hành năm 1989, dưới sự tài trợ của tổ chức SAREC của Thụy Điển, trong đó miêu tả khá chi tiết về cuộc sống của những gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng ở nông thôn miền Bắc Việt Nam trong bối cảnh những năm 80 đầu 90 của thế kỷ trước. Theo tác giả thì ở khu vực nông thôn miền Bắc phần lớn những người được hỏi cho rằng vấn đề khó khăn về kinh tế ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình. Đặc biệt, nghiên cứu cũng

chỉ ra rằng những người phụ nữ thiếu vắng chồng nhận được rất ít sự hỗ trợ từ phía gia đình, họ hàng và xã hội.

Ngoài ra còn có một số bài viết liên quan đến vấn đề này trong tạp chí như bài viết: “*Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng- một vấn đề xã hội cần quan tâm*” của tác giả Lê Ngọc Lân, trong tạp chí Khoa học và phụ nữ số 3 xuất bản. Nghiên cứu được thực hiện ở một số cơ sở nông nghiệp như hợp tác xã Can Đình - Vĩnh Phú, hợp tác xã Minh Dân - Hà Tuyên và lâm nghiệp đội 7 Đoàn Hùng và đội Minh Dân lâm trường Hàm Yên. Trong bài viết này, tác giả đã khái quát về thực trạng đời sống của các gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng. Các gia đình thiếu vắng chồng mà tác giả đề cập đó là bao gồm: những người phụ nữ góa chồng, không có chồng con, những người phụ nữ đã ly hôn, ly thân... Với bài viết này, tác giả đã khái quát những nguyên nhân dẫn đến tình trạng hình thành những gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng. Nghiên cứu này đã chỉ ra những khó khăn chung của những phụ nữ thiếu vắng chồng.

Bài viết “*Hiện tượng phụ nữ độc thân từ góc độ dân số học*” của tác giả Thịnh (2007) đã có sự so sánh tỷ lệ độc thân của phụ nữ Việt Nam và một số nước trên thế giới và giữa các vùng đô thị với nông thôn ở Việt Nam.

PNĐT có rất nhiều loại hình: đơn thân do chồng mất đơn thân do ly hôn, ly thân đơn thân do bị chồng ruồng bỏ... Đối với mỗi loại hình, người PNĐT lại rơi vào những hoàn cảnh khác nhau. Trong cuốn sách “*Ly hôn - nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội*” đã chỉ ra hậu quả mà ly hôn để lại ảnh hưởng đến phụ nữ và con cái của họ (Trung tâm Nghiên cứu về Gia đình và Phụ nữ, 2002). Nghiên cứu cũng đã mô tả thực trạng cuộc sống cũng như tâm lý, nhu cầu, nguyện vọng của PNĐT sau ly hôn qua một số trường hợp nghiên cứu. Luận văn thạc sỹ của Trang (2012) cũng đã đưa ra được những khó khăn mà cuộc sống đơn thân của các bà mẹ, như cầu họ cần có trong cuộc sống từ đó sẽ hỗ trợ họ để có cuộc sống tốt hơn.

Tác giả Đông (2014) đã nghiên cứu đề tài: “*Tâm trạng của PNĐT trong giai đoạn hiện nay*”. Đề tài đã chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến tâm trạng tích cực và tiêu cực, từ đó đề xuất giải pháp nhằm tăng cường các yếu tố dẫn đến tâm trạng tiêu cực, góp

phần cải thiện đời sống tinh thần cho PNĐT. Đề tài cũng nêu ra các chính sách xã hội dành cho phụ nữ làm mẹ đơn thân còn rất ít và còn lồng ghép trong các chính sách khác như: Chính sách cho vay vốn đối với hộ nghèo... Chưa có chính sách riêng đối với PNĐT. Việc thực hiện các chính sách này cũng còn bất cập, ảnh hưởng đến tâm trạng của phụ nữ làm mẹ đơn thân. Chẳng hạn bị xóa khỏi danh sách hộ nghèo mặc dù chưa hết nghèo, khi ra khỏi danh sách hộ nghèo thì không được hưởng bất cứ chính sách nào của PNĐT.

2.5. Chính sách xã hội được coi như hành lang pháp lý trong việc hỗ trợ cho phụ nữ đơn thân.

Thông tấn xã Việt Nam (2012) có bài viết *“LHQ kêu gọi gia tăng quyền lợi cho phụ nữ vùng nông thôn”* đã phát động thông điệp khẳng định việc không ngừng mở rộng quyền và khả năng của phụ nữ nông thôn. Ngoài ra, thông điệp của ông Ban Ki-moon - Tổng Thư ký Liên hợp quốc cũng khẳng định: *“Trách nhiệm giải quyết tình trạng phân biệt đối xử đang thuộc về mọi quốc gia, mọi dân tộc, sắc tộc và tôn giáo, phải làm sao để phụ nữ có được tối đa quyền phát triển”*, việc này có ý nghĩa đặc biệt to lớn trong việc xóa bỏ nghèo đói bản cùng và tình trạng phân biệt đối xử phụ nữ, bất bình đẳng giới cũng có ý nghĩa khi mà hầu hết những PNĐT ở vùng nông thôn đều phải chịu sự phân biệt này.

Quyền của phụ nữ được đề cập đến cả trong *“Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (CHXHCN) Việt Nam”*, bên cạnh những điều khoản thể hiện quyền lợi ích của công dân nói chung, Hiến pháp cũng có những quy định cụ thể về việc đảm bảo quyền và lợi ích của người phụ nữ. Đây là những căn cứ để chúng ta có thể hỗ trợ cho những người PNĐT trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ cũng như bảo vệ lợi ích mà họ được hưởng. Cụ thể trong Điều 40 của Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam quy định *“Nhà nước, xã hội và mọi công dân có trách nhiệm bảo vệ chăm sóc cho bà mẹ và trẻ em”*, trong Điều 52, Chương 5 - Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam quy định *“Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật”*. Hay tại Điều 63 của Chương này cũng khẳng định: *“Công dân nữ và nam có quyền ngang nhau về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội*

và gia đình. Nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử với phụ nữ, xúc phạm nhân phẩm phụ nữ. Lao động nữ và nam việc làm như nhau thì tiền lương ngang nhau. Lao động nữ có quyền hưởng chế độ thai sản. Phụ nữ là viên chức nhà nước và người làm công ăn lương có quyền nghỉ trước và sau sinh đẻ mà vẫn được hưởng lương, phụ cấp theo quy định của pháp luật. Nhà nước và xã hội tạo điều kiện để phụ nữ nâng cao trình độ mọi mặt, không ngừng phát huy vai trò của mình trong xã hội”.

Tác phẩm *“Chính sách xã hội với phụ nữ nông thôn - Quá trình xây dựng và thực hiện”* (Thi, 2018) đã phân tích, lý giải và chỉ ra yêu cầu cần phải có những chính sách xã hội dành cho đối tượng là PNĐT và khuyến nghị với các nhà hoạch định chính sách cần phải lưu ý đến các vấn đề như: Chế độ ưu đãi đối với những thanh niên xung phong đang sống cô đơn; Chính sách ưu tiên, hỗ trợ sản xuất kinh doanh cho phụ nữ góa (chồng đã từng tham gia phục vụ kháng chiến); Kiểm tra, thực thi các điều luật về Hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ sau ly hôn, ly thân.

Những đề tài, vấn đề nghiên cứu về PNĐT của những người đi trước đã khai thác được những thực trạng và những khó khăn của PNĐT cũng như những chính sách của nhà nước đang được áp dụng đối với họ trên địa bàn sinh sống. Có rất nhiều những đề tài nghiên cứu về PNĐT nhưng dường như chưa có đề tài nào nghiên cứu về các hoạt động CTXH chuyên nghiệp đối với hỗ trợ cho PNĐT. Nghiên cứu này sẽ kế thừa chọn lọc các thành tựu hệ thống lý luận từ các nghiên cứu đã được công bố. Một mặt, nghiên cứu có thể cho thấy được những khó khăn, nhu cầu của PNĐT đang gặp khó khăn, một mặt còn thấy được thực trạng về các hoạt động CTXH khi hỗ trợ cho nhóm đối tượng yếu thế này đã thực sự hiệu quả hay chưa để từ đó đề xuất, kiến nghị đưa ra một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động CTXH trong việc hỗ trợ cho PNĐT nói chung và PNĐT đang gặp khó khăn về tìm kiếm việc làm nói riêng ngày càng một hiệu quả hơn, góp phần đảm bảo an sinh xã hội.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Chủ yếu được sử dụng trong việc phân tích các

dữ liệu thứ cấp: Tổng hợp các nghiên cứu đi trước về vấn đề các hoạt động hỗ trợ việc làm cho PNĐT nuôi con; Phân tích và sử dụng lý thuyết liên quan làm cơ sở lý luận khoa học quan trọng để luận giải vấn đề nghiên cứu; Phân tích những tài liệu liên quan của Đảng, Nhà nước, các cơ quan có thẩm quyền các cấp và các chuyên gia trong lĩnh vực lao động việc làm v.v...)

3.2. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi

Trên địa bàn huyện Phúc Thọ hiện nay có 125 người là PNĐT trong độ tuổi lao động. Trong bài viết, tác giả sử dụng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên, số lượng 100 đơn vị. Qua quan sát thì đời sống của những PNĐT khá khó khăn bởi phải gánh trọng trách của cả người bố, người mẹ vừa nuôi dạy con cái vừa làm kiếm tiền nuôi con. Huyện Phúc Thọ hiện có 22 xã và mỗi xã đều có PNĐT. Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi

được sử dụng nhằm thu thập thông tin định lượng về các vấn đề liên quan của cá nhân các PNĐT tìm kiếm việc làm và các hoạt động hỗ trợ họ.

3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Được sử dụng để thu thập các thông tin sâu từ một số các cán bộ địa phương liên quan đến vấn đề nghiên cứu tại địa bàn khảo sát; Phỏng vấn thu thập thông tin sâu PNĐT nuôi con nhằm nhận diện vấn đề chính của bản thân họ; Để tài tiến hành phỏng vấn 10 PNĐT và 5 cán bộ chính quyền địa phương.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hoạt động công tác xã hội trong tư vấn việc làm cho phụ nữ đơn thân

Tư vấn việc làm là hoạt động nhằm hỗ trợ cho PNĐT tiếp cận các chủ trương, chính sách, dịch vụ việc làm của huyện Phúc Thọ cũng như của Nhà nước, từ đó đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của PNĐT.

Bảng 1. Tỷ lệ PNĐT nhận được sự hỗ trợ về hoạt động tư vấn việc làm

Các hình thức tư vấn/tham vấn việc làm	Mức độ					
	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên	
	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)	Số người	Tỷ lệ (%)
Lựa chọn công việc phù hợp	0	0%	91	91.0	9	9.0
Lựa chọn nơi làm việc phù hợp	0	0%	91	91.0	9	9.0
Hướng dẫn các thủ tục hành chính	0	0%	91	91.0	9	9.0
Tư vấn/tham vấn tâm lý	0	0%	9	91.0	91	91.0

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Từ biểu đồ tỷ lệ PNĐT nhận được sự hỗ trợ về hoạt động Tư vấn/tham vấn việc làm ta thấy rằng: trong tất cả các hình thức tư vấn/tham vấn việc làm cho PNĐT thì mức độ “Rất thường xuyên” PNĐT nhận được sự hỗ trợ chiếm tỷ lệ 0%. Mặt khác, mức độ “thường xuyên” lại được PNĐT đánh giá nhiều nhất đặc biệt đó là ba hình thức: Tư vấn/tham vấn để giúp cho PNĐT lựa chọn được công việc phù hợp; Tư vấn/tham vấn để giúp bà mẹ đơn thân nuôi con lựa chọn được nơi làm việc phù hợp và Tư vấn/tham vấn hướng dẫn PNĐT làm các thủ tục hành chính. Cả ba đều chiếm tỷ lệ khá cao (91%). Song song với đó thì mức độ “không thường xuyên” của hình thức tư vấn/tham vấn về tâm lý cho PNĐT (thay đổi môi trường làm việc, mẫu thuẫn đồng nghiệp,...)

(91%) chiếm tỷ lệ cao. Điều đó cho thấy rằng, hoạt động tư vấn/tham vấn việc làm cho PNĐT ở huyện Phúc Thọ chỉ tập trung vào ba hình thức đó là tư vấn/tham vấn để giúp cho các bà mẹ đơn thân nuôi con lựa chọn được công việc, nơi làm việc phù hợp với sức khỏe, khả năng của PNĐT và tư vấn/tham vấn về các thủ tục hành chính chứ chưa đi sâu vào việc giải quyết những khó khăn cho PNĐT về những khó khăn, vướng mắc về tâm lý trong quá trình làm việc tại cơ sở đào tạo nghề. Trong khi đó việc tư vấn/tham vấn tâm lý cho PNĐT lại là hoạt động vô cùng quan trọng để cung cấp cho PNĐT một nền tảng những kỹ năng và sự sẵn sàng cho việc đến một nơi làm việc mới, với mối quan hệ mới, để họ không bị áp lực,

căng thẳng từ đó mới có thể tập trung làm việc và tạo ra thu nhập.

Khi được hỏi nguyên nhân tại sao hình thức nêu trên chưa được chú trọng khi hỗ trợ cho PNĐT, bằng việc thực hiện câu hỏi phỏng vấn sâu, người nghiên cứu đã thu được kết quả như sau:

Trường phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện cho biết: “*Khi bà con, nhất là các bà mẹ đơn thân có không hiểu hay khó khăn gì thì phòng đều hỗ trợ nhiệt tình. Tuy nhiên, trong quá trình hỗ trợ thì một mặt do bên phòng chưa có ai được đào tạo chuyên về CTXH. Mặt khác, thực sự các bà mẹ đơn thân khi họ có mâu thuẫn với cơ sở đào tạo nghề, hay với chính nhân viên tại đó hoặc thậm chí là có sự huy hăng vì thay đổi môi trường làm việc thì họ cũng có bao giờ nói cho cán bộ biết đâu. Phần lớn là họ từ giải quyết cá nhân với nhau em ạ*”.

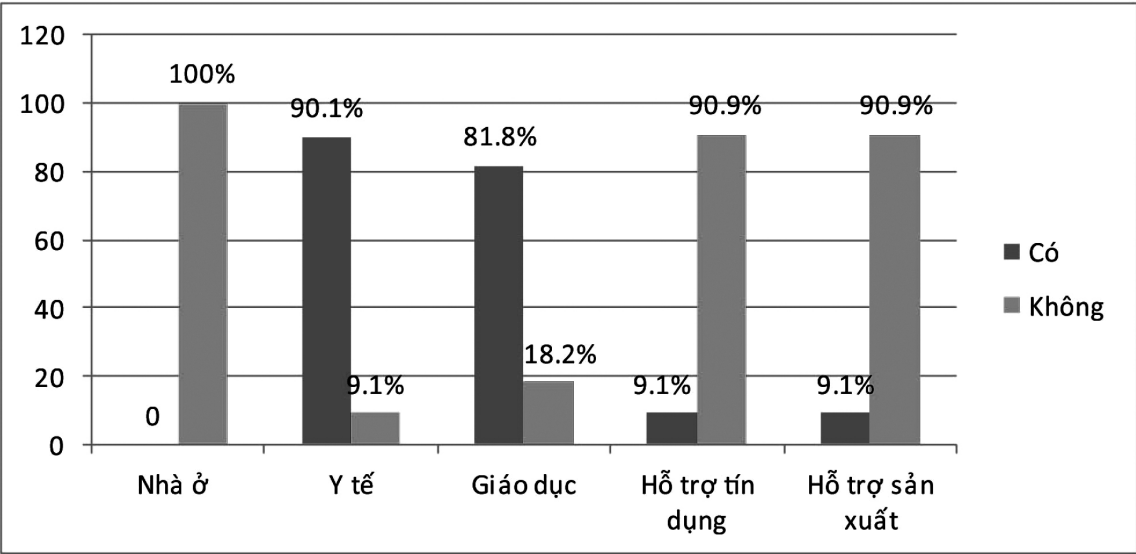
Từ những số liệu trên cho thấy hoạt động tư vấn việc làm tại huyện Phúc Thọ đã được chú trọng.

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại những hạn chế đó là hình thức tư vấn/tham vấn về tâm lý cho các bà mẹ đơn thân chưa được quan tâm. Điều này khiến cho hoạt động tư vấn, tham vấn việc làm chưa đạt được hiệu quả thực sự. Khi mà họ vẫn còn gặp phải những vấn đề về tâm lý, nếu không được giải quyết họ sẽ mất tập trung vào quá trình làm việc, nhằm tạo ra thu nhập khiến cuộc sống của gia đình ổn định hơn.

4.2. Hoạt động công tác xã hội trong vận động chính sách cho phụ nữ đơn thân

Vận động chính sách cho đối tượng là một hoạt động có vai trò vô cùng quan trọng của một nhân viên CTXH khi làm việc với các nhóm đối tượng yếu thế. PNĐT là nhóm đối tượng gặp phải rất nhiều khó khăn trong cuộc sống khi cùng một lúc vừa phải làm tròn vai trò của một người mẹ nhưng vẫn phải gồng mình lên để đảm đương vai trò của một người cha.

Hình 1. Tỷ lệ PNĐT được hưởng các chính sách của địa phương



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Từ hình 1 có thể thấy, qua khảo sát đối tượng là PNĐT về các chính sách của địa phương cũng như nhà nước dành cho họ thì tất cả đều trả lời rằng họ đều nhận được những chính sách hỗ trợ, ưu đãi của nhà nước cũng như địa phương. Những chính sách đó là chính sách ưu đãi tín dụng, chính sách hỗ trợ sản xuất, bảo hiểm y tế, giáo dục... Tất cả các chính sách ưu đãi của nhà nước dành cho các đối tượng xã hội, trong đó có nhóm đối tượng là PNĐT.

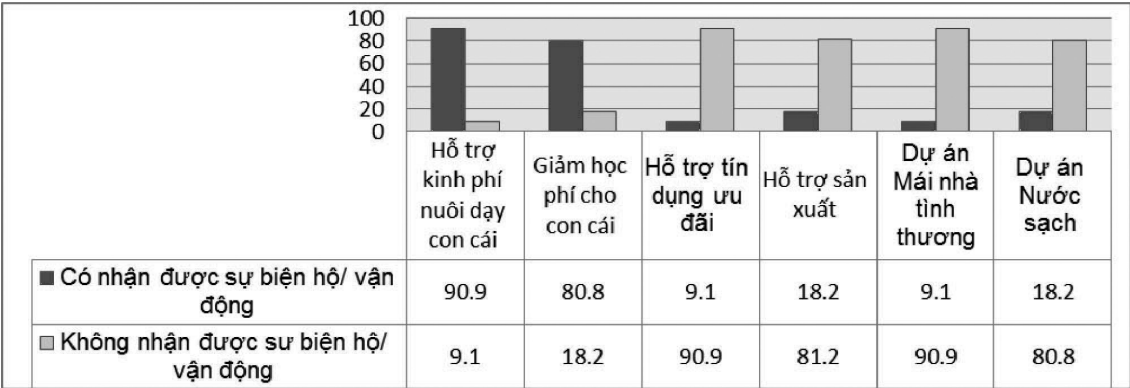
Riêng về chính sách hỗ trợ nhà ở thì chưa có PNĐT nào được hưởng. Đối với những gia đình có con nhỏ dưới 18 tuổi mỗi tháng sẽ được trợ cấp 350.000đ/tháng. Đối với những gia đình thuộc diện hộ nghèo sẽ được miễn giảm học phí cho con cái của họ. Mặc dù những chính sách của nước ta chưa đầy đủ và hỗ trợ được nhiều nhưng đối với các đối tượng xã hội nhất là những người PNĐT thì đó cũng là những hỗ trợ có ý nghĩa nhất định.

Sau đây là một chia sẻ của một PNDT về chính sách mà chị nhận được và đánh giá về những chính sách đó: “Mỗi tháng chị được 350.000 đồng trợ cấp cho con chị, được cấp thẻ bảo hiểm y tế và những đợt lễ Tết thì cũng đều có quà cho gia đình. Từ khi nhận được trợ cấp cuộc sống của hai mẹ con chị cũng có đỡ hơn em ạ, cũng đủ đóng tiền ăn hàng tháng cho con trên lớp học vì buổi trưa con sẽ ở lại nhà trường ăn ngủ trên đó. Hàng năm được cấp thẻ bảo hiểm y tế đi khám cũng đỡ được 1 khoản đấy. Tuy không lớn nhưng cũng phần nào giúp

đỡ được chút ít” (N.H.P, nữ, 26 tuổi)

Theo kết quả điều tra đánh giá về mức độ phù hợp của các chính sách đó tại địa phương đối với PNDT thì trong 100 mẫu đánh giá khảo sát, có 45,5% tỷ lệ người được hỏi trả lời “Phù hợp với PNDT”; 36,4% trả lời “Phù hợp một phần với PNDT” và 18.2% trả lời là “Không phù hợp với PNDT”. Tuy nhiên, khi được hỏi về công tác biện hộ/vận động chính sách của huyện Phúc Thọ đối với PNDT thì kết quả thu được như sau:

Hình 2. PNDT nhận được chính sách từ hoạt động biện hộ/vận động chính sách



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Hình 2 cho thấy, chính sách hỗ trợ kinh phí nuôi dạy con cái, giảm học phí cho con cái là hai chính sách mà PNDT tại huyện Phúc Thọ được hưởng nhiều nhất, lần lượt 90,9% và 80,8%. Ngoài ra, chính sách Hỗ trợ tín dụng ưu đãi, dự án “Mái nhà tình thương” và dự án “Nước sạch” lại là những chính sách mà ít bà mẹ đơn thân chưa được hưởng. Chính vì vậy mà, thông qua biểu đồ cũng có thể thấy hoạt động biện hộ, vận động chính sách của huyện Phúc Thọ vẫn còn hạn chế. Nhiều người được hưởng chính sách giảm học phí cho con cái và kinh phí nuôi dạy con cái là vì một phần những bà mẹ đó được xét và trong diện hộ nghèo hoặc cận nghèo. Nên theo quy định của Nhà nước là họ sẽ được hỗ trợ kinh phí và giảm học phí cho con.

Trên thực tế những năm gần đây, Đảng ủy huyện Phúc Thọ cũng đã đưa ra những dự án, trong đó có hai dự án mới được đưa vào thực thi, đó là Dự án “Mái nhà tình thương” và dự án “Nước sạch”. Hai dự án này xây dựng nhằm hỗ trợ

cho PNDT phát triển kinh tế hộ gia đình. Dự án “Mái nhà tình thương” đã được đi vào triển khai và theo dự án thì mỗi năm hội liên hiệp phụ nữ sẽ xem xét hoàn cảnh của các hộ PNDT em hội viên nào khó khăn về nhà ở chọn ra một số hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và sẽ hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà cho các hộ xây mới nhà là 20 triệu đồng, còn sửa chữa nhà ở là 10 triệu đồng. Số tiền này là hỗ trợ nên các hộ này không phải hoàn trả. Nhưng theo kết quả khảo sát cho thấy, tỷ lệ PNDT hiện đang được hưởng dự án này là rất thấp chiếm 9.1%. Không dừng tại đó, dự án “Nước sạch” sẽ xem xét những gia đình hộ nghèo, PNDT có nhu cầu vay vốn với lãi suất ưu đãi với mức 0.6. Mỗi hộ sẽ được vay với 16 triệu đồng/lần từ ngân hàng chính sách. Dự án được Hội Liên hiệp phụ nữ cấp xã phổ biến cho người dân nói chung và PNDT nói riêng. Nhưng trên thực tế, theo kết quả khảo sát thì số lượng PNDT được thụ hưởng dự án này rất thấp chiếm 18,2%

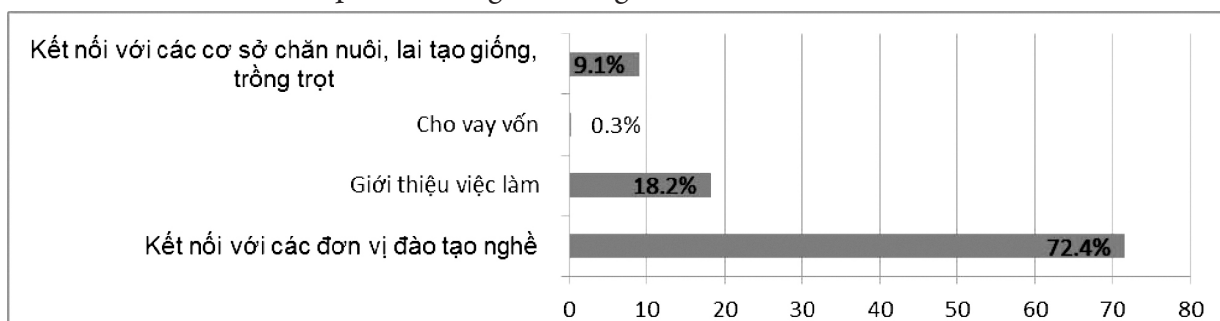
Như vậy, thông qua hai biểu đồ về tỷ lệ số PNĐT được hưởng những chính sách tại địa phương và tỷ lệ số PNĐT được nhận chính sách từ hoạt động biện hộ/vận động chính sách của huyện vẫn còn rất nhiều bất cập. Cụ thể đó là hai dự án “Mái nhà tình thương” và “Nước sạch” là hai dự án mà theo quy định của huyện sẽ được phổ cập nhưng theo điều tra khảo sát thì tỷ lệ PNĐT được hưởng hai chính sách này vẫn còn rất thấp. Chính vì vậy, có thể thấy rằng hoạt động biện hộ chính sách của huyện Phúc Thọ vẫn còn hạn chế và cần phải đẩy mạnh hơn nữa công tác vận động, biện hộ chính sách đến cho PNĐT để họ có thể được hưởng đúng theo quyền lợi, từ đó có thể có vốn phát triển kinh tế hộ gia đình.

4.3. Hoạt động công tác xã hội trong vận động nguồn lực hỗ trợ cho phụ nữ đơn thân tìm kiếm việc làm

Hoạt động kết nối nguồn lực hỗ trợ về việc làm - tài chính

Kết nối, huy động nguồn lực là một trong những vai trò không thể không kể đến của những người làm hoạt động CTXH. Tại huyện Phúc Thọ, ngoài những hoạt động tư vấn/tham vấn các chính sách, tiếp cận với các dịch vụ việc làm, biện hộ/vận động chính sách, tổ chức sinh hoạt nhóm đồng đẳng để họ có cơ hội chia sẻ hoàn cảnh, những vấn đề trong cuộc sống thì huyện Phúc Thọ còn thực hiện công tác kết nối nguồn lực hỗ trợ việc làm - tài chính. Cụ thể, huyện Phúc Thọ đã huy động các tổ chức xã hội khác như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Cựu nông dân, Hội Cựu chiến binh... trên các địa bàn xã chung tay giúp đỡ những PNĐT trong vấn đề tạo việc làm, vay vốn đầu tư kinh doanh, sản xuất.

Hình 3. Kết quả hoạt động kết nối nguồn lực hỗ trợ về việc làm - tài chính



Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Từ biểu đồ, có thể thấy, hoạt động tìm kiếm, kết nối nguồn lực việc làm - tài chính ở huyện Phúc Thọ đối với PNĐT được tập trung bởi ba hoạt động đó là: kết nối với các đơn vị đào tạo nghề; giới thiệu việc làm và cho vay vốn. Tuy nhiên, từ biểu đồ ta có thể nhận thấy kết nối với các đơn vị đào tạo nghề là hoạt động chiếm tỷ lệ cao nhất 72.4% tiếp theo đó là hoạt động giới thiệu việc làm 18.2%, kết nối với các cơ sở chăn nuôi, lai tạo giống, trồng trọt và tỷ lệ thấp nhất đó là hoạt động cho vay vốn là 0.3%. Từ tỷ lệ trên, người nghiên cứu thấy rằng hoạt động kết nối PNĐT với các đơn vị đào tạo nghề được huyện Phúc Thọ đẩy mạnh, chính vì vậy mà số lượng PNĐT trên địa bàn huyện được hưởng dịch vụ này chiếm tỷ lệ cao nhất. Lý giải cho vì sao hoạt động này lại có sự phát triển như vậy, đó là: Trong

những năm gần đây, Đảng ủy huyện Phúc Thọ đã có sự kết nối với các làng nghề trên địa bàn huyện để tạo công ăn việc làm cho rất nhiều các lao động trên địa bàn huyện, trong đó có PNĐT đang nuôi con. Cụ thể, tại làng nghề may xã Tam Hiệp, hoạt động may mặc, làm thú nhồi bông để xuất đi các cơ sở trên địa bàn huyện cũng như tại các chợ đầu mối lớn trên địa bàn Hà Nội (Chợ Xanh, Chợ Sinh viên, Chợ Phùng Khoang, Chợ Đồng Xuân...) thì cần một nguồn nhân công vô cùng lớn. Nhưng lao động tại xã không đáp ứng đủ nên các chủ xưởng may, chủ xưởng sản xuất gấu nhồi bông cũng đã liên kết với chính quyền xã bạn nhằm tạo công ăn việc làm cho lao động nói chung và PNĐT nói riêng. Để thực hiện các hoạt động kết nối, tạo việc làm thì các chủ doanh nghiệp đã chủ động tạo ra các lớp học nghề ngắn hạn tại chính doanh nghiệp của mình. Khi các học

viên đã thành thạo nghề có thể đến làm việc trực tiếp tại xưởng hoặc được nhận các nguyên vật liệu về nhà để làm. Điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các lao động cũng như bà mẹ đơn thân vừa chăm sóc được con, tạo ra thu nhập từ việc làm may hay các việc làm khác. Ngoài việc liên kết với làng nghề xã Tam Hiệp, huyện ủy Phúc Thọ cũng có cuộc trao đổi với các chủ doanh nghiệp tại các làng nghề khác trên địa bàn để tạo việc làm cho lao động của huyện như: Xã Long Xuyên (Sản xuất hàng mã, trồng rau sạch); Xã Thanh Đa (Nghề mộc, trồng rau sạch); Xã Vĩng Xuyên (Sản xuất may tre đan)...

Nhìn chung, trong những năm gần đây huyện

Phúc Thọ rất quan tâm đến các hoạt động kết nối việc làm - tài chính cho PNĐT nên đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Rất nhiều PNĐT trên địa bàn huyện cũng đã có được công ăn việc làm từ việc kết nối với các đơn vị đào tạo nghề nhằm tạo thêm được thu nhập đảm bảo cuộc sống cho chính họ và con cái của họ.

4.4. Đánh giá hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động công tác xã hội

Các hoạt động CTXH hỗ trợ cho PNĐT tìm kiếm việc làm của huyện Phúc Thọ, khảo sát đánh giá xếp thứ hạng các hoạt động mà huyện Phúc Thọ đang triển khai thực hiện cho thấy kết quả như sau:

Bảng 2. Đánh giá hiệu quả trong việc thực hiện các hoạt động CTXH

Các hoạt động CTXH	Đánh giá hiệu quả		
	Tốt	Bình thường	Không tốt
Tư vấn/tham vấn việc làm cho PNĐT	18,2	36,4	54,5
Biện hộ/vận động chính sách cho đối tượng	18,2	54,5	36,4
Tìm kiếm, kết nối và vận động nguồn lực hỗ trợ cho PNĐT tìm kiếm việc làm.	18,2	45,5	36,4

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Từ bảng số liệu, có thể thấy, tỷ lệ ý kiến đánh giá hoạt động Biện hộ/vận động chính sách cho đối tượng; Tìm kiếm, kết nối, vận động nguồn lực hỗ trợ cho PNĐT tìm kiếm việc làm được đánh giá ở mức độ “Bình thường” chiếm 45,5%, trong đó mức độ “Tốt” thì hoạt động Không chỉ dừng tại đó hoạt động tư vấn/tham vấn việc làm cho PNĐT cũng được đánh giá là “Không tốt” chiếm 54,5%.

Từ đó có thể thấy, các hoạt động động biện hộ/vận động chính sách cho đối tượng; tìm kiếm, kết nối, vận động nguồn lực hỗ trợ cho PNĐT tìm kiếm việc làm đã được huyện Phúc Thọ quan tâm và đẩy mạnh.

5. Kết luận và khuyến nghị

5.1. Kết luận

Hoạt động trợ giúp người nghèo là tiến trình trợ giúp đặc thù, PNĐT là đối tượng yếu thế đặc biệt trong xã hội, họ gặp phải rất nhiều vấn đề về mặt tâm lý. Hoạt động tìm kiếm, kết nối và vận động nguồn lực được huyện Phúc Thọ quan tâm, chính vì vậy mà đã góp phần mang lại hiệu quả tích cực cho quá trình hỗ trợ cho PNĐT tìm kiếm việc làm. Tuy nhiên, ngoài những mặt tích cực và những thành tựu mà

huyện Phúc Thọ đã làm được thì vẫn còn có những bất cập, hạn chế cần phải lưu ý và quan tâm cũng như đẩy mạnh hơn nữa. Hoạt động CTXH trong hỗ trợ PNĐT tìm kiếm việc làm là một nhiệm vụ quan trọng, mang ý nghĩa chính trị xã hội nhân văn sâu sắc, là một nhiệm vụ trọng tâm trong CTXH và thực hiện đảm bảo chính sách an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và sự tiến bộ của phụ nữ. Hoạt động hỗ trợ cho phụ nữ nghèo không chỉ được nhìn nhận dưới góc độ cải thiện thu nhập mà còn có ý nghĩa cải thiện cơ hội thay đổi nhận thức, phát huy nội lực bên trong bản thân PNĐT, làm cơ sở quan trọng cho định hướng cuộc sống, việc làm, giáo dục... Đó là điều kiện căn bản về chất lượng để PNĐT có thể vươn lên trong cuộc sống.

5.2. Khuyến nghị

Mặc dù, các hoạt động hỗ trợ PNĐT tìm kiếm việc làm đã có những phản ứng tích cực từ chính người nhận được sự hỗ trợ nhưng để xét về tính chuyên nghiệp trong các hoạt động CTXH thì những hoạt động hỗ trợ của huyện Phúc Thọ vẫn cần phải đẩy mạnh hơn nữa. Từ đó mới có thể giúp cho PNĐT nói chung và PNĐT nói riêng đảm bảo được cuộc

sống cho cả mẹ và con, góp phần đẩy mạnh an sinh xã hội cho địa bàn toàn huyện. Nhân viên CTXH thường xuyên rà soát, tìm hiểu tiếp cận các nguồn lực tiềm năng trên địa bàn, đồng thời xây dựng mối quan hệ bền vững với họ, tiếp xúc, tạo cơ hội cho thân chủ tiếp xúc, tương tác với các mạng lưới nguồn lực. Thành lập các nhóm thân chủ có nhu cầu giống nhau, xây dựng kế hoạch hoạt động phù hợp với từng nhóm đối tượng, huy động sự tham gia của thân chủ, kết nối thân chủ đến với các nguồn lực.

Chính quyền địa phương cần có những chế tài đối với các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, bởi đây chính là những nguồn lực giải quyết vấn đề việc làm cho PNĐT, kịp thời khen thưởng biểu dương những đơn vị có nhiều đóng góp tích cực cho địa phương cũng như giúp đỡ hỗ trợ công ăn việc làm cho lao động địa phương nói chung và PNĐT nói riêng. Tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên CTXH thực hiện chức năng, vai trò của mình trong vận động nguồn lực hỗ trợ PNĐT như: Tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về CTXH cho cán bộ làm công tác vận động nguồn lực tại địa phương: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thu thập thông tin xử lý số liệu, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư vấn, tham vấn. Nâng cao kiến thức, giáo dục, hướng dẫn cán bộ địa phương biết phương thức giao tiếp, đánh giá nhu cầu của PNĐT. Cần làm rõ vai trò trách nhiệm của từng cán bộ, ban ngành đoàn thể trong việc nâng cao kết quả vận động nguồn lực. Cần có sự thống nhất cao trong việc phân công phụ trách theo lĩnh vực cụ thể đối với từng cán bộ vận động nguồn lực. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ PNĐT

nhận thức được vấn đề của mình, đánh giá nhu cầu, tìm kiếm khai thác các tiềm năng nội lực (nhân công, nghề truyền thống, sản xuất và chế biến đặc sản địa phương...) kết hợp với các chương trình, dự án bên ngoài thực hiện sinh kế bền vững.

Cần tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các đơn vị trong hoạt động trợ giúp xã hội, làm cho họ cần phải nhận thức rằng thực hiện các hoạt động trợ giúp xã hội là nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các vấn đề xã hội nói chung và trợ giúp PNĐT nói riêng trên địa bàn mà đơn vị đó đang hoạt động.

Thành lập và duy trì mạng lưới, các thông tin về các chương trình hỗ trợ, các hoạt động đã được thực hiện sẽ được thông tin cho tất cả các thành viên của mạng lưới cũng như các tổ chức, đơn vị khác. Từ đó sẽ tránh được việc lặp lại các dịch vụ hay các hoạt động hỗ trợ và tránh lãng phí.

Cần tăng cơ hội lựa chọn trong lập kế hoạch và thiết lập mạng lưới liên kết gồm các cá nhân, cơ quan tổ chức, các dịch vụ hỗ trợ, chương trình dự án, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức trong và ngoài nước, chính thức và không chính thức... Trong hỗ trợ PNĐT, các đơn vị tổ chức cơ quan là mạng lưới nguồn lực với các chương trình hỗ trợ khác nhau. Ví dụ: chính quyền địa phương là nguồn lực về tài chính, việc làm; người dân trong cộng đồng là nguồn lực về con người xã hội... dựa vào nguồn lực của mình các mạng lưới hỗ trợ cho PNĐT một cách phù hợp, hiệu quả và tránh chồng chéo. Tăng cường công tác lãnh đạo chỉ đạo, quan tâm của chính quyền địa phương tới việc nâng cao hiệu quả kết nối nguồn lực trong hỗ trợ PNĐT.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Allaahdadi, F. (2010). *Towards rural women' empowerment and poverty reduction in Iran*.
- Đông, B.T.M. (2014). *Tâm trạng của phụ nữ làm mẹ đơn thân trong giai đoạn hiện nay*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- Hội đồng quốc gia. (2002). *Từ điển Bách khoa Việt Nam*, Nxb Từ điển Bách khoa Hà Nội.
- Mai, B.T.X. (2010). *Nhập môn CTXH*, NXB Lao động - Xã hội.
- Lân, L.N. (1991). "Gia đình phụ nữ thiếu vắng chồng - một vấn đề xã hội cần quan tâm". *Tạp chí Khoa học và phụ nữ*, số 3 (5)/1991, trang 22-25.
- Liên hợp quốc. (2012). *Báo cáo Chương trình phát triển Liên hợp quốc năm 2014*, Tokyo.
- Quốc hội. (2013) Hiến pháp nước CHXHCN Việt Nam.
- Rebecca, L. (2013). *Gender equality and women is empowerment are key to addressing global poverty*.
- Tâm, N.T. (2002). *Ly hôn - nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội*. NXB Khoa học xã hội.
- Thi, L. (2006). *Cuộc sống và biến động của hôn nhân, gia đình Việt Nam hiện nay*. NXB. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Thelma, M. (2001). *Social Welfare and Social Work – An Introduction*, E.Q. Cornejo & Son, Cebu City Phillipines.
- Trang, C.T.T. (2012). *CTXH cá nhân với phụ nữ đơn thân tại thị xã Sông Công tỉnh Thái Nguyên*. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.
- Trung tâm nghiên cứu về Gia đình và Phụ nữ. (2002). *Ly hôn – nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội*. NXB Khoa học xã hội.